

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI

KỶ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ NĂM 2019

Ngày thi: 13/9/2019

Phòng số :

1

P202 - B2

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	219001	19080001	Đỗ Nam Anh	29.04.2001	K.QTKD		
2	219002	19080003	Trần Thị Vân Anh	21.04.2001	K.QTKD		
3	219003	19080004	Vũ Thị Ngọc Anh	21.10.2001	K.QTKD		
4	219004	19080005	Nguyễn Đỗ Quang Anh	25.09.2001	K.QTKD		
5	219005	19080006	Tạ Thu Anh	15.04.2001	K.QTKD		
6	219006	19080007	Phạm Hồng Anh	08.12.2001	K.QTKD		
7	219007	19080008	Vũ Thị Trang Anh	03.06.2001	K.QTKD		
8	219008	19080009	Dương Quốc Anh	16.06.2001	K.QTKD		
9	219009	19080010	Trương Tuấn Anh	03.07.2001	K.QTKD		
10	219010	19080011	Nguyễn Ngọc Anh	20.03.2001	K.QTKD		
11	219011	19080012	Lê Xuân Đức Anh	20.12.2001	K.QTKD		
12	219012	19080013	Đỗ Quỳnh Anh	19.01.2001	K.QTKD		
13	219013	19080014	Nguyễn Bình An	09.11.2001	K.QTKD		
14	219014	19080015	Trần Đức Anh	01.08.2001	K.QTKD		
15	219015	19080017	Nguyễn Đức Anh	06.11.2001	K.QTKD		
16	219016	19080018	Hoàng Trâm Anh	12.12.1999	K.QTKD		
17	219017	19080019	Đoàn Vũ Minh Châu	28.11.2001	K.QTKD		
18	219018	19080020	Lê Quỳnh Chi	03.01.2001	K.QTKD		
19	219019	19080021	Lương Linh Chi	14.12.2001	K.QTKD		
20	219020	19080022	Vũ Thị Linh Chi	05.11.2001	K.QTKD		
21	219021	19080023	Nguyễn Tuấn Công Chính	14.08.2001	K.QTKD		
22	219022	19080024	Đặng Xuân Cường	07.07.2001	K.QTKD		
23	219023	19080025	Nguyễn Thế Cường	21.06.2001	K.QTKD		
24	219024	19080026	Phạm Thành Đạt	06.11.2001	K.QTKD		
25	219025	19080027	Nguyễn Phong Điệp	19.09.2001	K.QTKD		
26	219026	19080028	Cao Minh Đức	07.10.2001	K.QTKD		
27	219027	19080029	Vũ Anh Đức	06.05.2001	K.QTKD		
28	219028	19080030	Quách Tuấn Dũng	26.12.2001	K.QTKD		
29	219029	19080031	Đào Quang Dũng	07.12.2001	K.QTKD		
30	219030	19080032	Trần Ngân Giang	03.01.2001	K.QTKD		
31	219031	19080033	Cao Mai Giang	09.10.2001	K.QTKD		

32	219032	19080034	Nguyễn Linh Giang	03.03.2001	K.QTKD		
33	219033	19080035	Trần Mạnh Hải	29.11.2001	K.QTKD		
34	219034	19080036	Trần Thị Minh Hiền	26.05.2001	K.QTKD		
35	219035	19080037	Phí Hoàng Hiệp	22.08.2001	K.QTKD		
36	219036	19080038	Vương Đình Hiệp	20.10.2001	K.QTKD		
37	219037	19080039	Hoàng Minh Hiếu	07.07.2001	K.QTKD		
38	219038	19080040	Phan Trung Hiếu	20.01.2001	K.QTKD		
39	219039	19080041	Vũ Quốc Hiệu	13.10.2001	K.QTKD		
40	219040	19080042	Phạm Việt Hoàng	17.10.2001	K.QTKD		
41	219041	19080043	Nguyễn Văn Hoàng	09.11.2001	K.QTKD		
42	219042	19080044	Lê Thị Ánh Hồng	31.03.2001	K.QTKD		
43	219043	19080045	Lê Thị Minh Hồng	30.01.2001	K.QTKD		
44	219044	19080046	Nguyễn Trung Hưng	02.07.2001	K.QTKD		
45	219045	19080047	Trịnh Quốc Hưng	27.09.2001	K.QTKD		
46	219046	19080048	Phạm Quang Huy	13.02.2001	K.QTKD		
47	219047	19080049	Nguyễn Quang Huy	06.02.2001	K.QTKD		
48	219048	19080050	Nguyễn Kỳ Minh Kiên	17.11.2001	K.QTKD		
49	219049	19080052	Lê Phương Linh	03.09.2001	K.QTKD		
50	219050	19080053	Phạm Mạc Tấn Linh	13.07.2001	K.QTKD		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI

KỶ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ NĂM 2019

Ngày thi: 13/9/2019

Phòng số :

2

P210 - B2

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	219051	19080054	Phùng Thị Thùy Linh	15.03.2001	K.QTKD		
2	219052	19080055	Nguyễn Thạch Khánh Linh	14.08.2001	K.QTKD		
3	219053	19080056	Dương Quốc Long	10.08.2001	K.QTKD		
4	219054	19080057	Nguyễn Hải Thiên Long	05.03.2001	K.QTKD		
5	219055	19080058	Phan Đông Long	18.07.2000	K.QTKD		
6	219056	19080059	Đình Hải Long	05.03.2001	K.QTKD		
7	219057	19080061	Ngô Phương Mai	19.11.2001	K.QTKD		
8	219058	19080063	Khương Nhật Minh	26.06.2001	K.QTKD		
9	219059	19080064	Cao Quang Minh	13.10.2001	K.QTKD		
10	219060	19080065	Khúc Thế Hoàng Minh	10.11.2001	K.QTKD		
11	219061	19080066	Lương Quỳnh Nga	08.01.2001	K.QTKD		
12	219062	19080067	Ngô Thị Phương Nga	07.09.2001	K.QTKD		
13	219063	19080068	Vũ Thị Ngân	26.01.2001	K.QTKD		
14	219064	19080069	Dương Thị Thúy Ngân	03.02.2001	K.QTKD		
15	219065	19080070	Trương Minh Ngọc	06.01.2001	K.QTKD		
16	219066	19080071	Trịnh Cao Nguyên	14.06.2001	K.QTKD		
17	219067	19080072	Trần Thị Thảo Nguyên	05.07.2001	K.QTKD		
18	219068	19080073	Nguyễn Hữu Hồng Phát	14.08.2001	K.QTKD		
19	219069	19080074	Phạm Gia Phong	28.08.2001	K.QTKD		
20	219070	19080075	Đặng Thị Như Phương	09.10.2001	K.QTKD		
21	219071	19080076	Đỗ Đức Anh Quân	27.11.2001	K.QTKD		
22	219072	19080077	Nguyễn Minh Quang	29.07.2001	K.QTKD		
23	219073	19080078	Nguyễn Công Quyết	10.11.2001	K.QTKD		
24	219074	19080079	Đỗ Hà Phương Thảo	14.05.2001	K.QTKD		
25	219075	19080080	Nguyễn Thị Phương Thảo	12.02.2001	K.QTKD		
26	219076	19080081	Phạm Minh Thảo	03.11.2001	K.QTKD		
27	219077	19080082	Trần Văn Thọ	01.10.2001	K.QTKD		
28	219078	19080083	Nguyễn Thị Kim Thoa	15.06.2001	K.QTKD		
29	219079	19080084	Nguyễn Thị Ngọc Thư	02.03.2001	K.QTKD		
30	219080	19080085	Lương Thị Thu Thủy	08.12.2001	K.QTKD		
31	219081	19080086	Nguyễn Thu Thủy	30.07.2001	K.QTKD		

32	219082	19080087	Nguyễn Quang Tiến	17.06.2001	K.QTKD		
33	219083	19080088	Hạ Thùy Trang	30.09.2001	K.QTKD		
34	219084	19080089	Phan Quỳnh Trang	27.06.2001	K.QTKD		
35	219085	19080090	Nguyễn Minh Tú	08.06.2001	K.QTKD		
36	219086	19080091	Vũ Anh Tú	04.12.2001	K.QTKD		
37	219087	19080092	Trần Ngọc Tuấn	17.04.2001	K.QTKD		
38	219088	19080093	Nguyễn Duy Tùng	20.09.2001	K.QTKD		
39	219089	19080095	Vũ Diệu Uyên	24.11.2001	K.QTKD		
40	219090	19080096	Nguyễn Khánh Vân	14.03.2001	K.QTKD		
41	219091	19080097	Nguyễn Khánh Vi	06.11.2001	K.QTKD		
42	219092	19080098	Lương Thế Vinh	13.02.2001	K.QTKD		
43	219093	19080099	Trần Quý Hoàng Vũ	01.01.2001	K.QTKD		
44							
45							
46							
47							
48							
49							
50							

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI

KỲ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ NĂM 2019

Ngày thi: 13/9/2019

Phòng số :

3

P211 - B2

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	219094	18030197	Lê Duy Anh	23.12.2000	XHNV		
2	219095	18030202	Trần Thế Anh	28.10.1999	XHNV		
3	219096	18030212	Nguyễn Ngọc Uyên Chi	12.09.2000	XHNV		
4	219097	19030113	Quàng Thị Dương	10.06.2000	XHNV		
5	219098	19030114	Nông Thu Hồng	11.12.2000	XHNV		
6	219099	19030202	Lê Thị Quỳnh Anh	19.11.2000	XHNV		
7	219100	19030225	Lường Thị Hằng	23.07.2001	XHNV		
8	219101	19030251	Cung Thị Mai	18.11.2001	XHNV		
9	219102	19030258	Phan Thị Mỹ	10.05.2001	XHNV		
10	219103	19030265	Trần Thị Thảo Phương	06.05.2001	XHNV		
11	219104	19030270	Hoàng Thị Soi	25.10.2001	XHNV		
12	219105	19032753	Vũ Ngọc Anh	15.09.2001	XHNV		
13	219106	19032781	Nguyễn Thị Quỳnh	30.09.2001	XHNV		
14	219107	19032787	Phan Thị Phương Thảo	14.03.2001	XHNV		
15	219108	17030192	Nguyễn Văn Nguyên	05.01.1997	XHNV		
16	219109	19030310	Nguyễn Vân Anh	11.04.2001	XHNV		
17	219110	18030459	Thào Thị Hà	19.09.2000	XHNV		
18	219111	18030494	Viên Quốc Minh	08.07.1998	XHNV		
19	219112	18030530	Đinh Thị Huyền Trang	16.07.2000	XHNV		
20	219113	18032799	Lê Thị Thiên	02.02.1999	XHNV		
21	219114	19030420	Cao Thị Cúc	03.11.2001	XHNV		
22	219115	19030426	Phạm Quốc Đạt	16.07.2001	XHNV		
23	219116	19030430	Đặng Thị Hạnh	21.11.2001	XHNV		
24	219117	19030434	Đinh Thị Hiền	17.08.2001	XHNV		
25	219118	19030441	Đỗ Thị Hương	15.01.2001	XHNV		
26	219119	19030452	Phạm Nhật Linh	29.01.2001	XHNV		
27	219120	19030465	Hà Thảo Ngọc	16.01.2001	XHNV		
28	219121	19030466	Nguyễn Thị Ngọc	07.03.2001	XHNV		
29	219122	19030480	Nguyễn Mạnh Quyền	27.08.2001	XHNV		
30	219123	19030495	Thái Thị Thịnh	21.03.2001	XHNV		
31	219124	19030497	Nguyễn Hoài Thu	03.02.2001	XHNV		

32	219125	19030470	Nguyễn Thảo Nhiên	29.10.2001	XHNV		
33	219126	18030115	Vy Thị Hồng Nhung	17.12.1999	XHNV		
34	219127	19030134	Đoàn Thị Tư	15.08.2000	XHNV		
35	219128	19030546	Trần Trọng Kiệt	26.03.2001	XHNV		
36	219129	19030553	Nguyễn Thị Mai	07.04.2001	XHNV		
37	219130	19030566	Trần Thị Phượng	25.07.2001	XHNV		
38	219131	19030587	Vi Thị Hải Yến	23.10.2000	XHNV		
39	219132	19010222	Lê Thị Ngọc Lan	22.03.2001	XHNV		
40	219133	19030193	Lý Trung Nam	31.12.2000	XHNV		
41	219134	19030748	Nguyễn Mai Chi	21.11.2001	XHNV		
42	219135	19030753	Nguyễn Thị Dung	07.12.2001	XHNV		
43	219136	19030758	Trần Mai Giang	23.11.2001	XHNV		
44	219137	19030764	Mai Thị Hằng	16.08.2001	XHNV		
45	219138	19030765	Trần Thị Ngọc Hằng	10.10.2001	XHNV		
46	219139	19030771	Nguyễn Thị Huệ	25.08.2001	XHNV		
47	219140	19030782	Đặng Thị Khé	08.07.2001	XHNV		
48	219141	19030787	Nguyễn Văn Lâm	24.07.2001	XHNV		
49	219142	19030801	Vi Thị Miên	16.01.2001	XHNV		
50	219143	19030811	Quyết Thị Như	15.08.2001	XHNV		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI

KỲ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ NĂM 2019

Ngày thi: 13/9/2019

Phòng số :

4

P401 - B2

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	219144	19030825	Ngô Hà Thanh	16.03.2001	XHNV		
2	219145	19030832	Nguyễn Thị Thảo	22.06.2001	XHNV		
3	219146	19030834	Trần Thị Thảo	27.08.2001	XHNV		
4	219147	19030836	Khúc Thị Thơ	01.03.2001	XHNV		
5	219148	19030841	Nguyễn Thị Thu Thủy	02.11.2001	XHNV		
6	219149	19030864	Nguyễn Thị Yến	19.02.2001	XHNV		
7	219150	19032806	Nguyễn Văn Cường	10.07.2001	XHNV		
8	219151	19032815	Trần Thị Minh Hiền	14.08.2000	XHNV		
9	219152	19032818	Nguyễn Thị Hồng	08.11.2001	XHNV		
10	219153	19032822	Hoàng Thu Hương	22.07.2001	XHNV		
11	219154	19032832	Nguyễn Thục Ngân	27.05.2001	XHNV		
12	219155	19032851	Phan Thị Kim Yến	30.03.1995	XHNV		
13	219156	19032837	Đoàn Thị Thu Phương	28.01.2001	XHNV		
14	219157	18031005	Nguyễn Huy Lộc	11.11.2000	XHNV		
15	219158	19030879	Đặng Thị Thanh Bình	27.10.2001	XHNV		
16	219159	19030930	Hoàng Thị Bích Ngọc	09.03.2001	XHNV		
17	219160	19030934	Trần Thị Bích Ngọc	05.07.2001	XHNV		
18	219161	19030949	Vũ Thị Như Quỳnh	24.10.2000	XHNV		
19	219162	19030960	Trần Thị Thảo	20.10.2001	XHNV		
20	219163	19030966	Vũ Thị Bích Thủy	20.01.2001	XHNV		
21	219164	19031022	Đoàn Khánh Huyền	10.06.2001	XHNV		
22	219165	19031049	Phạm Anh Quân	21.08.2001	XHNV		
23	219166	19031053	Nguyễn Anh Tài	01.02.2001	XHNV		
24	219167	19031071	Nguyễn Thị Trang	31.07.2001	XHNV		
25	219168	19031194	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20.06.2001	XHNV		
26	219169	19031230	Nguyễn Chúc Linh	04.06.2001	XHNV		
27	219170	19031235	Nông Thị Mơ	02.12.2001	XHNV		
28	219171	19031259	Lê Thị Thu Thảo	24.03.2001	XHNV		
29	219172	19031300	Trương Công Lý	17.10.1995	XHNV		
30	219173	19031107	Nguyễn Diệu Hằng	23.06.2001	XHNV		
31	219174	19031172	Đỗ Thị Thu Trang	18.09.2001	XHNV		

32	219175	19031189	Nguyễn Thị Thu Yến	10.02.2001	XHNV		
33	219176	18030139	Lương Thị Hồng Anh	11.07.1999	XHNV		
34	219177	19030156	Phạm Huyền Thương	07.03.2000	XHNV		
35	219178	19031331	Nguyễn Thị Phương Anh	20.09.2001	XHNV		
36	219179	19031382	Lê Thị Hoài Nhiên	08.09.2001	XHNV		
37	219180	19031400	Ma Thị Hương Trà	04.05.2001	XHNV		
38	219181	19031483	Hà Thị Ngọc Thơm	15.01.2001	XHNV		
39	219182	19032855	Nguyễn Việt Anh	02.11.2001	XHNV		
40	219183	19032865	Đặng Vũ Thu Hằng	01.01.2000	XHNV		
41	219184	19032875	Nguyễn Thị Kiều Linh	20.12.2001	XHNV		
42	219185	19032879	Hồ Thị Luyện	20.05.2001	XHNV		
43	219186	19032882	Vũ Đức Mạnh	22.06.2001	XHNV		
44	219187	19032885	Trần Nguyễn Hồng Nhung	16.08.2001	XHNV		
45	219188	19032887	Trần Kiều Oanh	02.10.2001	XHNV		
46	219189	19032892	Nguyễn Thị Thùy	27.06.2001	XHNV		
47	219190	19032895	Thái Thu Trang	27.02.2001	XHNV		
48	219191	18031610	Quách Thị Nguyệt	02.02.2000	XHNV		
49	219192	19030068	Phùng Thị Thanh Thảo	08.06.2001	XHNV		
50	219193	19030069	Nguyễn Quỳnh Trang	19.12.2001	XHNV		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI

KỲ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ NĂM 2019

Ngày thi: 13/9/2019

Phòng số :

5

P406 - B2

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	219194	19030111	Vũ Thị Huyền Diệu	24.08.2000	XHNV		
2	219195	19030161	Nông Văn Đồng	26.03.2000	XHNV		
3	219196	19031503	Ma Đặng Phương Anh	14.03.2001	XHNV		
4	219197	19031507	Nguyễn Thị Kiều Anh	25.11.2001	XHNV		
5	219198	19031512	Đỗ Thị Hồng Ánh	07.07.2001	XHNV		
6	219199	19031517	Đoàn Thị Mai Chi	24.07.2001	XHNV		
7	219200	19031534	Triệu Thị Hậu	13.11.2001	XHNV		
8	219201	19031539	Triệu Quý Huy	07.08.2001	XHNV		
9	219202	19031546	Trần Thị Thu Lan	08.01.2001	XHNV		
10	219203	19031559	Trương Thị Mây	24.01.2001	XHNV		
11	219204	19031562	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	02.03.2001	XHNV		
12	219205	19031568	Bùi Hà Như	26.03.2001	XHNV		
13	219206	19031570	Hồ Thị Oanh	09.03.2001	XHNV		
14	219207	19031604	Ngô Thị Anh Tú	01.02.2001	XHNV		
15	219208	19031842	Nguyễn Lan Anh	10.10.2001	XHNV		
16	219209	19031895	Nguyễn Thùy Linh	17.04.2001	XHNV		
17	219210	19031914	Phạm Tú Huyền My	27.09.2000	XHNV		
18	219211	19031868	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	17.01.2000	XHNV		
19	219212	19031887	Nguyễn Thị Hường	23.02.2001	XHNV		
20	219213	19031897	Triệu Thị Linh	09.11.2001	XHNV		
21	219214	19031927	Nguyễn Minh Quang	29.09.2001	XHNV		
22	219215	19031943	Nguyễn Thị Thu	15.03.2001	XHNV		
23	219216	19031856	Vy Kiều Diễm	23.12.2001	XHNV		
24	219217	19031886	Ngô Thị Thu Hường	01.05.2001	XHNV		
25	219218	19031955	Nguyễn Hồng Trâm	06.06.2001	XHNV		
26	219219	19031961	Trần Hải Yến	24.10.2001	XHNV		
27	219220	19031839	Đỗ Quỳnh Anh	12.06.2001	XHNV		
28	219221	19031916	Đinh Thị Ngọc	29.08.2001	XHNV		
29	219222	19031954	Lê Thị Trâm	21.07.2001	XHNV		
30	219223	19031852	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	14.01.2001	XHNV		
31	219224	19031620	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	28.09.2001	XHNV		

32	219225	19031622	La Thị Chấn	07.04.2001	XHNV		
33	219226	19031633	Phạm Hoàng Hà	28.07.2001	XHNV		
34	219227	19031652	Đỗ Thị Lan	22.06.2001	XHNV		
35	219228	19031659	Phạm Thùy Linh	16.02.2001	XHNV		
36	219229	19031661	Bùi Thị Loan	15.03.2001	XHNV		
37	219230	19031668	Nguyễn Thị Thúy Nga	15.06.2001	XHNV		
38	219231	19031674	Bùi Thị Ánh Nguyệt	14.09.2001	XHNV		
39	219232	19031689	Trịnh Thị Thanh Thanh	05.04.2001	XHNV		
40	219233	19031700	Lê Thị Bích Thủy	01.07.2001	XHNV		
41	219234	19031703	Đinh Thị Huyền Trang	29.09.2001	XHNV		
42	219235	19031709	Nguyễn Thị Thùy Trang	19.06.2001	XHNV		
43	219236	19031711	Trần Thị Thu Trang	25.11.2001	XHNV		
44	219237	19031764	Nguyễn Đình Hương	10.11.2001	XHNV		
45	219238	19031794	Hoàng Thị Oanh	07.10.2001	XHNV		
46	219239	19031815	Phùng Thị Thúy	13.10.2001	XHNV		
47	219240	18032223	Nguyễn Thị Vân Anh	08.07.2000	XHNV		
48	219241	18032246	Nguyễn Thị Hồng Hoa	26.01.2000	XHNV		
49	219242	19032214	Nguyễn Thị Thúy Đám	27.07.2001	XHNV		
50	219243	19032231	Phan Văn Linh	05.04.2001	XHNV		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI

KỲ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ NĂM 2019

Ngày thi: 13/9/2019

Phòng số :

6

P407 - B2

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	219244	19032236	Vũ Thị Minh Lý	07.10.2001	XHNV		
2	219245	19032250	Tạ Hồng Nhung	03.09.2001	XHNV		
3	219246	19031971	Nguyễn Phương Hà Anh	19.11.2001	XHNV		
4	219247	19032019	Trần Thu Hường	19.01.2001	XHNV		
5	219248	19032020	Vương Thị Thu Hường	01.09.2001	XHNV		
6	219249	17032307	Nguyễn Công Hân	06.08.1998	XHNV		
7	219250	17032311	Hoàng Trọng Hiệp	15.07.1999	XHNV		
8	219251	17032348	Trần Thanh Tùng	17.01.1999	XHNV		
9	219252	19030184	Đinh Văn Hải	06.09.2000	XHNV		
10	219253	19032364	Nguyễn Phương Thảo	20.04.2001	XHNV		
11	219254	19032148	Vũ Thị Mỹ	24.02.2000	XHNV		
12	219255	18032185	Hoàng Thị Ngọc	13.04.2000	XHNV		
13	219256	19032390	Nguyễn Ngọc Anh	06.04.2001	XHNV		
14	219257	19032393	Vương Thị Lan Anh	28.11.2001	XHNV		
15	219258	19032398	Trần Thị Dung	20.03.2001	XHNV		
16	219259	19032408	Nguyễn Thu Hà	06.10.2001	XHNV		
17	219260	19032415	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	09.03.2001	XHNV		
18	219261	19032416	Bùi Thị Hằng	10.06.2001	XHNV		
19	219262	19032417	Bùi Thị Hằng	21.05.2001	XHNV		
20	219263	19032432	Nguyễn Thị Thanh Huyền	09.06.2001	XHNV		
21	219264	19032447	Châu Thùy Linh	13.09.2000	XHNV		
22	219265	19032492	Đỗ Đăng Thanh Tân	30.04.2001	XHNV		
23	219266	19032515	Lê Thị Lan Anh	27.09.2001	XHNV		
24	219267	19032519	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	09.06.2001	XHNV		
25	219268	19032520	Phạm Phương Anh	01.11.2001	XHNV		
26	219269	19032532	Nguyễn Thị Chúc	01.12.2001	XHNV		
27	219270	19032536	Đinh Thị Thùy Dương	19.09.2001	XHNV		
28	219271	19032537	Lê Mạnh Dương	25.05.2001	XHNV		
29	219272	19032546	Nguyễn Thị Hòa	16.06.2001	XHNV		
30	219273	19032551	Hà Thị Hương	30.09.2001	XHNV		
31	219274	19032552	Lê Thị Hương	10.07.2001	XHNV		

32	219275	19032557	Lữ Thị Hồng Khuyên	05.01.2001	XHNV		
33	219276	19032559	Nông Phương Lan	08.02.2000	XHNV		
34	219277	19032560	Trần Nhật Lê	09.01.2001	XHNV		
35	219278	19032563	Nguyễn Thị Khánh Linh	13.07.2001	XHNV		
36	219279	19032584	Phạm Lam Nhi	08.05.2001	XHNV		
37	219280	19032593	Phạm Thị Quỳnh	04.12.2001	XHNV		
38	219281	19032603	Bùi Thị Thủy	24.03.2001	XHNV		
39	219282	19032622	Hà Thị Cẩm Tú	13.04.2001	XHNV		
40	219283	19032624	Hà Mạnh Tư	08.02.2001	XHNV		
41	219284	19032627	Kiều Thị Yến	31.08.2001	XHNV		
42	219285	19032628	Nguyễn Thị Yến	31.01.2001	XHNV		
43	219286	19032635	Trần Công Anh	27.01.2001	XHNV		
44	219287	19032641	Phạm Tùng Chi	06.09.2000	XHNV		
45	219288	19032668	Đinh Thị Hương	21.01.2001	XHNV		
46	219289	19032669	Đặng Thị Thanh Hương	21.06.2001	XHNV		
47	219290	19032702	Đoàn Hà Phương	23.08.2001	XHNV		
48							
49							
50							

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI

KỶ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ NĂM 2019

Ngày thi: 13/9/2019

Phòng số :

7

P409 - B2

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	219291	19050825	Nguyễn Thị Lan Anh	25.11.2001	ĐHKT		
2	219292	19050822	Nguyễn Mai Anh	30.06.2001	ĐHKT		
3	219293	19050864	Nguyễn Thị Hào	30.08.2000	ĐHKT		
4	219294	19050892	Đinh Khánh Linh	03.06.2001	ĐHKT		
5	219295	19050916	Nguyễn Thị Lê Na	01.11.2001	ĐHKT		
6	219296	19050976	Nguyễn Thùy Trang	16.07.2001	ĐHKT		
7	219297	19050034	Nguyễn Minh Chiến	21.08.2001	ĐHKT		
8	219298	19050035	Bùi Kiều Chinh	13.05.2001	ĐHKT		
9	219299	19050092	Đào Thị Hoa	14.06.2001	ĐHKT		
10	219300	19050135	Đỗ Ngọc Linh	28.01.2001	ĐHKT		
11	219301	19050180	Nguyễn Hoàng Hà My	09.10.2001	ĐHKT		
12	219302	19050213	Trần Thị Thu Phương	11.09.2001	ĐHKT		
13	219303	19050293	Đào Thị Hà Vi	03.03.2001	ĐHKT		
14	219304	19050299	Lê Hải Yến	25.01.2001	ĐHKT		
15	219305	19050382	Trần Thị Thanh Hoa	01.12.2001	ĐHKT		
16	219306	19050494	Thào Thị Sủ	02.02.2000	ĐHKT		
17	219307	19051032	Nguyễn Thái Bình	25.03.2001	ĐHKT		
18	219308	19051087	Trần Đức Hoàng	02.09.2001	ĐHKT		
19	219309	19051089	Tống Thị Hồng	22.01.2001	ĐHKT		
20	219310	19051700	Kim Jae Hoon	06.02.1995	ĐHKT		
21	219311	19051273	Lại Thu Hương	29.12.2001	ĐHKT		
22	219312	19051111	Nguyễn Minh Khánh	03.03.2001	ĐHKT		
23	219313	19051152	Phạm Thị Hồng Mây	08.11.2001	ĐHKT		
24	219314	19051257	Nguyễn Kim Hải Vũ	30.08.2001	ĐHKT		
25	219315	19051695	Nguyễn Trùng Dương	25.08.2000	ĐHKT		
26	219316	19051463	Nguyễn Minh Hào	02.12.2001	ĐHKT		
27	219317	19051491	Phạm Thị Huyền	12.04.2001	ĐHKT		
28	219318	19051517	Vũ Thị Tân Mai	17.10.2001	ĐHKT		
29	219319	19051556	Ngô Thị Lan Phương	08.01.2001	ĐHKT		
30	219320	19051608	Nguyễn Thị Huyền Trang	20.08.2001	ĐHKT		
31	219321	19051634	Trần Thị Tố Uyên	08.06.2001	ĐHKT		

32	219322	19050604	Ngô Văn Anh	03.01.2001	ĐHKT		
33	219323	19050605	Nguyễn Đức Anh	16.12.2001	ĐHKT		
34	219324	19050682	Nguyễn Thị Phương Linh	14.02.2001	ĐHKT		
35	219325	19050687	Hoàng Long	21.01.2001	ĐHKT		
36	219326	19050770	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	13.10.2001	ĐHKT		
37	219327	19050773	Đào Thị Thanh Vân	05.05.1990	ĐHKT		
38	219328	19040580	Đặng Văn Anh	29.10.2001	ĐHNN		
39	219329	19041162	Ngô Thị Bảo Ngọc	22.08.2001	ĐHNN		
40	219330	19041188	Nguyễn Diệu Thúy	19.03.2001	ĐHNN		
41	219331	19040135	Nguyễn Thị Hương Ly	24.12.2000	ĐHNN		
42	219332	19041463	Lê Thị Tân	03.02.2001	ĐHNN		
43	219333	19042059	Lê Trúc Hoàng Anh	19.07.2001	ĐHNN		
44	219334	19041095	Trịnh Văn Anh	27.09.2001	ĐHNN		
45	219335	19041479	Hoàng Kiều Trang	30.04.2001	ĐHNN		
46	219336	19042010	Phạm Minh Tuấn	17.01.1991	ĐHNN		
47	219337	19040696	Nguyễn Thanh Tú	06.07.2001	ĐHNN		
48	219338	19041556	Nguyễn Mai Hương	07.08.2001	ĐHNN		
49	219339	19041563	Khúc Minh Khánh	16.01.2001	ĐHNN		
50	219340	19041200	Phạm Huyền Trang	28.08.2000	ĐHNN		
51	219341	19041134	Dương Thị Khánh Linh	14.02.2001	ĐHNN		
52	219342	18041134	Vũ Thành Long	05.10.2000	ĐHNN		
53	219343	19041675	Nguyễn Thị Vân Anh	02.11.2001	ĐHNN		
54	219344	19040439	Trịnh Thị Quỳnh	06.07.2001	ĐHNN		
55	219345	19042058	Triệu Hoàng Anh	01.02.2001	ĐHNN		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI

KỶ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ NĂM 2019

Ngày thi: 13/9/2019

Phòng số :

8

P410 - B2

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRƯỜNG	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	219346		Nguyễn Thị Hoàng Anh	21.09.2001	ĐHGD		
2	219347		Nguyễn Tuyết Anh	19.09.2001	ĐHGD		
3	219348		Vũ Gia Anh	24.11.2001	ĐHGD		
4	219349		Nguyễn Minh Ánh	10.01.2000	ĐHGD		
5	219350		Nguyễn Tiến Đạt	01.06.2001	ĐHGD		
6	219351		Nguyễn Minh Đức	17.07.2001	ĐHGD		
7	219352		Lương Đức Dũng	04.01.2001	ĐHGD		
8	219353		Hà Thị Thanh Giang	20.02.2001	ĐHGD		
9	219354		Nguyễn Thị Hương Giang	17.06.2001	ĐHGD		
10	219355		Tô Thu Hà	24.11.2001	ĐHGD		
11	219356		Nguyễn Thị Minh Hằng	05.06.2000	ĐHGD		
12	219357		Nguyễn Thị Hồng Hạnh	13.02.2001	ĐHGD		
13	219358		Hoàng Thị Hệ	10.07.2000	ĐHGD		
14	219359		Lê Thục Hiền	19.09.2001	ĐHGD		
15	219360		Lê Thị Phương Hoa	18.01.2001	ĐHGD		
16	219361		Lê Văn Hưng	14.04.2001	ĐHGD		
17	219362		Phạm Quang Hưng	11.02.2001	ĐHGD		
18	219363		Nguyễn Xuân Huy	16.11.2001	ĐHGD		
19	219364		Đặng Thanh Huyền	17.12.2001	ĐHGD		
20	219365		Lê Thành Khang	14.05.2001	ĐHGD		
21	219366		Trần Trung Kiên	07.07.2000	ĐHGD		
22	219367		Trần Thị Len	25.02.2001	ĐHGD		
23	219368		Đỗ Trúc Linh	18.03.2001	ĐHGD		
24	219369		Phan Yến Linh	04.01.2001	ĐHGD		
25	219370		Nguyễn Đức Long	20.01.2001	ĐHGD		
26	219371		Nguyễn Thu Ngân	18.04.2001	ĐHGD		
27	219372		Vũ Thị Vân Nhi	28.11.2001	ĐHGD		
28	219373		Lăng Nhật Phi	28.09.2001	ĐHGD		
29	219374		Nguyễn Hữu Sáng	03.03.2000	ĐHGD		
30	219375		Phạm Đức Sơn	21.10.2001	ĐHGD		
31	219376		Phạm Ngọc Thăng	20.06.2001	ĐHGD		

32	219377		Đào Phương Thanh	12.04.2001	ĐHGD		
33	219378		Nguyễn Thị Anh Thư	06.02.2001	ĐHGD		
34	219379		Đinh Thị Trà	14.05.2001	ĐHGD		
35	219380		Nguyễn Thị Trang	12.10.2000	ĐHGD		
36	219381		Phùng Lê Thu Trang	31.03.2001	ĐHGD		
37	219382		Nguyễn Thị Huyền Trinh	03.06.2001	ĐHGD		
38	219383	19061351	Hoàng Trung Thiện	29.01.2001	K.Luật		
39	219384	19061425	Jung Min Gyeong	26.08.2000	K.Luật		
40	219385	19061048	Nguyễn Linh Chi	12.11.2001	K.Luật		
41	219386	19061203	Phạm Hồng Luyến	30.11.2001	K.Luật		
42	219387	19061194	Trần Hải Linh	20.4.2001	K.Luật		
43	219388	19061108	Trần Thị Thu Hiền	05.08.2001	K.Luật		
44	219389	19061288	Nguyễn Thị Trang Phương	11.05.2001	K.Luật		
45	219390	19064024	Kiều Hải Kiên	16.02.2001	K.Luật		
46	219391	19063003	Dương Hải Anh	23.01.2001	K.Luật		
47	219392		Kim Yoo Jin		K.Luật		
48							
49							
50							

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI